

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RC10+RP2	7:25	11+7+3	0+0+0		1+3+18	0+0+0	
2		MRM+CNV	7:25	19+0	0+0		18+4	0+0	
3		TD3+CLO	7:25	3+18	0+0		3+19	0+0	
4		BK5+RP3	7:25	20+0	0+0		7+15	0+0	
5		P5+TD1	9:25	4+17	0+0		4+18	0+0	
6		RP2	9:25	22	0		22	0	
7		P2+BK4	9:25	20+1	0+0		18+4	0+0	
8		TD2+P2	9:25	6+14	0+0		7+15	0+0	CHUYEN 1 td2-P2
9		KTRN+PVD8	12:00	2+15	0+0		0+18	0+0	PUMA
10		MRM+TD1+BK5	11:25	14+4+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	CHUYEN1 MRM-TD1
11		TTC2+P11+RC3	11:25	9+1+10	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
12		PVD8+CTC1	12:25	13+3	0+0		3+15	0+0	
13		RP2+RC10+RP3	13:25	18+0	0+0		9+5+8	0+0	EC225
14		TTC1+PPD+BK6	13:25	4+10+5	0+0+0		0+13+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK5 -4NG, ctcl-4NG, rc10-4NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:MRM - CNV	CREW: NAM - KHOÀN - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4020	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BARANOVSKII ANDREI	MRM	11	1	10			58	AMNGR	Russian
2	NGUYEN DINH HUYNH	MRM	01	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
3	TIKHONOV EVGENY	MRM	24	1	3			108	AMNGR	Russian
4	SHCHETININ IVAN	MRM	21	1	11			79	AMNGR	Russian
5	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	12-13	2	12			90	AMNGR	Russian
6	TRIFONOV STANISLAV	MRM	15	1	10			95	AMNGR	Russian
7	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	14	1	14			92	AMNGR	Russian
8	ANOSOV VLADIMIR	MRM	03	1	3			91	AMNGR	Russian
9	SEFERBEKOV ARSEN	MRM	19-20	2	13			78	AMNGR	Russian
10	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	25-26	2	18			85	AMNGR	Russian
11	KHATPOV RUSLAN	MRM	16	1	15			71	AMNGR	Russian
12	NIKOLAEV OLEG	MRM	17-18	2	9			93	AMNGR	Russian
13	BELENKO KONSTANTIN	MRM	22-23	2	16			80	AMNGR	Russian
14	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	02	1	9			84	AMNGR	Russian
15	SHURUPOV PAVEL	MRM	05	1	7	1	20	88	AMNGR	Russian
16	KOSTRYKIN ALEKSANDR	MRM	09-10	2	15			78	AMNGR	Russian
17	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	27	1	10			87	AMNGR	Russian
18	VORONOCHKIN VITALII	MRM	07-08	2	11			95	AMNGR	Russian
19	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	04	1	12			91	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	19	1.632	26	203	1	20	18		
2	CNV	0	0	0	0	3	50	4		
TOTAL		19	1.632	26	203	4	70	22		
WEIGHT KG			1.632		203		70			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

TRAN HONG NAM

DO XUAN HOAN



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: CTC1 - RC10 - RP2	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4016	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN MINH TAM	CTC1						73	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	37	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY CÔNG	CTC1	33	1	3	2	40	51	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTC1						89	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH VŨ	CTC1						74	KH-THAC	Vietnamese
6	USHAKOV ANTON	CTC1	36	1	2			89	ANTOAN	Russian
7	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THÈ MẠNH	CTC1	32	1	2			77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIỆT HÙNG	CTC1	35	1	13			95	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VŨ TIỀN THANH	CTC1	34	1	6			94	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN MẠNH	CTC1	40-41	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN HUNG	RC10	06	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUONG THI THANH ĐỨC	RC10						63	KH-THAC	Vietnamese
14	KAMARENKO V	RC10	75	1	3			66	KH-THAC	Russian
15	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	07-08	2	14			92	KH-THAC	Vietnamese
16	NOVIKOV A.	RC10	09	1	3			95	ANTOAN	Russian
17	NGUYEN VAN HUNG	RC10	73	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	74	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG HUU SON	RC10	05	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ MẠNH HÀ	RP2	98	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TÂN TÀI	RP2	99	1	8	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	854	8	41	2	40	1		
2	RC10	8	581	8	47	0	0	3		
3	RP2	2	141	2	16	1	20	18		
TOTAL		21	1.576	18	104	3	60	22		
WEIGHT KG			1.576		104		60			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: TD3 - CLO	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4024	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	MULNIUCHKIN V.V	TD3	29	1	14			93	DVL	Russian
2	MAI VĂN DƯƠNG	TD3	26-27	2	16			85	DVL	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD3	28	1	19			76	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN TIỀN SINH	CLO	45	1	10	6	100	68	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN TRUNG	CLO	44	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐUỘC	CLO	54-55	2	12			67	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ MINH TŨ	CLO	59	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MẠNH HÙNG	CLO	61-62	2	13			59	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUAN	CLO	65	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
10	CHU ĐỨC AI	CLO	60	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG MINH PHÚC	CLO	57	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VĂN VIỆT	CLO	63	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TÂM	CLO						64	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH BẢO	CLO	50-52	3	20			68	KHOAN	Vietnamese
15	ÔNG VĂN NAM	CLO	56	1	13			57	BAKER HUC	Vietnamese
16	MUHAMMAD AFIQ BIN OTHMAN	CLO	48-49	2	16			100	BAKER HUC	Malaysian
17	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	47	1	7			79	DVL	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	46	1	10			63	DVL	Vietnamese
19	ĐÌNH VIỆT DŨNG	CLO	53	1	6			59	DVL	Vietnamese
20	HOANG HUU THU	CLO	58	1	5			74	PSV	Vietnamese
21	PHẠM PHU BÌNH	CLO	64	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	3	254	4	49	0	0	3		
2	CLO	18	1.284	22	140	6	100	19		
TOTAL		21	1.538	26	189	6	100	22		
WEIGHT KG			1.538		189		100			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: BK5 - RP3	CREW: LHM - HĐỨC - DŨNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4028	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HUYNH XUAN TRUONG	BK5						73	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN QUANG BINH	BK5	85	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG THANH TRUNG	BK5						74	KH-THAC	Vietnamese
4	MORDIASHOV SEMEN	BK5						82	KH-THAC	Russian
5	LE MANH HUNG	BK5	76	1	2			74	ANTOAN	Vietnamese
6	DOAN VAN TRINH	BK5	74-75	2	15			60	KH-THAC	Vietnamese
7	LE HUNG CUONG	BK5	86-87	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRONG SON	BK5	89,500	2	19	3	45	84	KH-THAC	Vietnamese
9	LE BA HOA	BK5	83-84	2	27			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DINH PHUONG	BK5	15	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MANH	BK5	411-412	2	23			61	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HUY MANH	BK5	88	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN TOAN	BK5	77-78	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN VINH	BK5	12-13	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
15	DIU VAN THONG	BK5	14	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM NGOC HOA	BK5	72-73	2	15			60	XAYLAP	Vietnamese
17	LE NGOC HUNG	BK5	79	1	17			68	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN DUC TUAN	BK5	23-24	2	22			83	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG HUNG	BK5	22,75	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN TIEN CUONG	BK5	53	1	4			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	20	1.425	27	261	3	45	7		
2	RP3	0	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		20	1.425	27	261	3	45	22		
WEIGHT KG			1.425		261		45			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: NAU-2	TO: P5 - TD1	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4017	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LAI ANH TUẤN	P5	05	1	15			103	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	P5	06-07	2	19	1	18	64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	P5	03-04	2	19			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P5	02	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOA	P5	01	1	5			60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	53-54	2	6			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THIỆU	TD1	61	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	67	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH ĐỨC TIỀN	TD1	59	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THỨC	TD1	71	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD1	60	1	12			68	ANTOAN	Vietnamese
13	VÕ TẠ HOANG ANH	TD1	68	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VĂN NINH	TD1	52	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	55-56	2	10	1	20	61	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	57	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	63	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG XUÂN THI	TD1	02	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HAI NGAN	TD1	58	1	11			57	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD1	65-66	2	15			93	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN THƯỢNG VŨ	TD1	69-70	2	18			65	KHOAN	Vietnamese
22	ĐOAN HIỆU	TD1	64	1	12			68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	5	377	7	69	1	18	4		
2	TD1	17	1.241	20	141	1	20	18		
TOTAL		22	1.618	27	210	2	38	22		
WEIGHT KG			1.618		210		38			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:RP2	CREW: NAM - XHOÀN - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4021	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN KIM CƯỜNG	RP2	06	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN SÁCH ĐÓN	RP2	23-24	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	22	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	21	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP2	19	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ANH TUNG	RP2	07	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	20	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU VIỆT	RP2	01	1	10	1	19	69	ANTOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THĂNG	RP2	03-04	2	9			69	ANTOAN	Vietnamese
10	VŨ TUẤN ANH	RP2	17	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ TUẤN ANH	RP2	14	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	13	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	10	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	18	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI HỮU TAM	RP2	15	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM QUANG LỢI	RP2	16	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN SANG	RP2	08	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	12	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI SANG	RP2	11	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	05	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ DUY QUYÊN	RP2	09	1	11			64	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	22	1.507	23	152	1	19	22		
TOTAL		22	1.507	23	152	1	19	22		
WEIGHT KG			1.507		152		19			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐỖ XUÂN HOÀN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO: P2 - BK4	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4025	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ VĂN LONG	P2	41	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	39-40	2	16			69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	34	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	50-51	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	44	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	P2	36-37	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						79	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	P2	43	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	26-27	2	19			84	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	32	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH BAO	P2	35	1	3			66	YTE	Vietnamese
12	PHẠM ANH ĐỨC	P2	46-48	3	19			62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	31	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	33	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	49	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2	45	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2	38	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NAM	P2	30	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THANH HIỀN	P2	42	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ANH TỬ	P2	28-29	2	11			82	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HAI	BK4	73	1	12			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	20	1.434	26	162	0	0	18		
2	BK4	1	61	1	12	0	0	4		
TOTAL		21	1.495	27	174	0	0	22		
WEIGHT KG			1.495		174		0			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG - 2	TO: TD2 - P2	CREW: HẢI - HỮC - DŨNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4029	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOANG CAM	TD2	65	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	TD2	64	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUẤN ĐẠT	TD2	66-67	2	7			87	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TẤN	TD2	59-61	3	20			75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	58	1	7			71	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	TD2	62-63	2	8			66	PSV	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC LINH	P2	71	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SỸ VANG	P2	68	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUÂN THUY	P2	74	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
10	HA CHIẾN THĂNG	P2	67	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG LƯU	P2	73	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG TRỌNG OAI	P2	69	1	3	3	60	59	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HOAN	P2	66	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU ANH TUẤN	P2	70	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	P2	57	1	4			69	PSV	Vietnamese
16	VŨ VĂN HÙNG	P2	75	1	6			63	PSV	Vietnamese
17	LY CHUYỀN CHIÊU	P2	76	1	5			107	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LAM	P2	72	1	11			77	PSV	Vietnamese
19	HA VĂN THUẬN	P2	77	1	6			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	6	445	10	56	2	40	7	1	CHUYEN 1 PAX TD2-P2
2	P2	13	918	13	93	3	60	14		
TOTAL		19	1.363	23	149	5	100	21		
WEIGHT KG			1.363		149		100			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:30
B.CARD: TÍM-2	TO:KTRN - PVD8	CREW: NKHÁNH - TRÌNH	ETA: 12:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4026	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG MINH THƯỜNG	KTRN	20	1	7	2	20	63	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUẤN	KTRN	23-24	2	10			79	CODIEN	Vietnamese
3	IAN CRAIG BREETON	PVD8	70-71	2	12			93	PVD DD	British
4	TRÌNH XUÂN CUÔNG	PVD8	60	1	6			67	PVD DD	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD8	68-69	2	18			71	PVD DD	Vietnamese
6	BUI HAI THANH	PVD8	75	1	10			67	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUONG GIANG	PVD8	63	1	8			53	PSV	Vietnamese
8	LÊ TÂN ĐẠT	PVD8	64	1	7			57	PVDO	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HOANG	PVD8	74	1	8			91	PVDO	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY THANH	PVD8	59	1	4			82	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN THAI HỢP	PVD8	61	1	11			62	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC TUẤN	PVD8	73	1	9			70	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN ANH	PVD8	62	1	3			56	PVDO	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	PVD8	67	1	6			70	PVDO	Vietnamese
15	HỒ HOANG ANH	PVD8	72	1	8			85	PVDO	Vietnamese
16	TRẦN NGON QUANG HUY	PVD8	65	1	8			75	PVDO	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH THIÊN	PVD8	66	1	7			81	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KTRN	2	142	3	17	2	20	0		
2	PVD8	15	1.080	17	125	0	0	18		
TOTAL		17	1.222	20	142	2	20	18		
WEIGHT KG			1.222		142		20			

GRAND TOAL: 1.384 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN MAI PHI

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRẦN KHÁNH TRÌNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:MRM - TD1 - BK5	CREW: HUNG - NPHU - VU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4018	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BALASHKO NADEZHDA	MRM	46	1	7			72	AMNGR	Russian
2	LE VAN CHUONG	MRM	35	1	7			50	DMC-MI	Vietnamese
3	ĐANG VAN NGHIA	MRM	32-34	3	15			81	DMC-MI	Vietnamese
4	LUU DINH TRONG	MRM	36	1	14			79	DVL	Vietnamese
5	DUONG BA VINH	MRM	41	1	13			97	DVL	Vietnamese
6	TRUONG MINH KHANH	MRM	44	1	14			71	DVL	Vietnamese
7	LUU BA XO	MRM	42-43	2	16			81	DVL	Vietnamese
8	RIM YUSUPOV	MRM	39-40	2	19			69	SCHLUMBE	Russian
9	NGUYEN DUY MINH	MRM	37-38	2	18			99	SCHLUMBE	Vietnamese
10	TRAN NGOC HUNG	MRM	29	1	11			70	AMNGR	Vietnamese
11	VU VAN TRUONG	MRM	30	1	8			68	AMNGR	Vietnamese
12	HOANG XUAN CANH	MRM	28	1	6			70	AMNGR	Vietnamese
13	ĐO ĐỨC THIÊN	MRM	31	1	7			64	AMNGR	Vietnamese
14	PHAN THANH TAI	TD1	86-87	2	16			51	DVL	Vietnamese
15	MAI HUY TU	TD1	88	1	10			60	DVL	Vietnamese
16	VU HOANG QUAN	TD1	72	1	4			55	PSV	Vietnamese
17	ĐẬU VIỆT BẮC	TD1	73	1	5			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	13	971	18	155	0	0	12 + 1		CHUYEN 1 PAX MRM-TD1
2	TD1	4	242	5	35	0	0	2		
3	BK5	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		17	1.213	23	190	0	0	22		
WEIGHT KG			1.213		190		0			

GRAND TOAL: 1.403 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:TTC2 - P11 - RC3	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4022	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRINH MINH ĐỨC	TTC2	65-66	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH VƯƠNG	TTC2	78-79	2	16			74	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO LÊ SƠN	TTC2	16-17	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HỮU	TTC2	68-69	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHƯƠNG	TTC2	72-73	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN NAM	TTC2	74-75	2	14			57	XAYLAP	Vietnamese
7	LƯU QUÝ DŨNG	TTC2	67	1	11			55	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI KHÁC THỦY	TTC2	70-71	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN HIỆP	TTC2	80-81	2	19			90	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU QUANG	P11	31-33	3	19			67	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO VIỆT HAI	RC3	42-43	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT MINH HOANG	RC3	38	1	8			76	ANTOAN	Vietnamese
13	LÊ QUÝ TOÀN	RC3	200,35	2	16	1	42	67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	38	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRINH	RC3	41	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THÀNH DUY	RC3	79-80	2	11	2	35	75	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC THAI SƠN	RC3	99	1	15			74	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG PHƯỢNG	RC3						68	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ QUÝ TRƯỜNG	RC3	46-47	2	19			65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	RC3	40	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	9	609	17	155	0	0	9		
2	P11	1	67	3	19	0	0	3		
3	RC3	10	705	13	93	3	77	10		
TOTAL		20	1.381	33	267	3	77	22		
WEIGHT KG			1.381		267		77			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: VANG-3	TO: PVD8 - CTC1	CREW: Miên - VLINH	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/4027	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LƯƠNG THẾ PHÚC	PVD8	13	1	11			78	PVDO	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN TRINH	PVD8	12	1	8			69	PVDO	Vietnamese
3	NGÔ TRUNG KIẾN	PVD8	06-07	2	7			57	PVDO	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THANH	PVD8	01	1	8	2	30	54	PVDO	Vietnamese
5	PHẦN VĂN TRINH	PVD8	04	1	5			67	PVDO	Vietnamese
6	TRẦN NAM THẮNG	PVD8	05	1	7			74	PVDO	Vietnamese
7	LÊ VĂN THANH	PVD8	08	1	4			73	PVDO	Vietnamese
8	TÀ HỮU HỒ	PVD8	14-16	3	17	1	12	65	DMC-MI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	PVD8	17	1	14			76	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	PVD8	02-03	2	17			73	PVD BAKEI	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN KHANH	PVD8	11	1	10	2	11	74	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC HÙNG	PVD8	18-19	2	17	1	8	100	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TUYẾN	PVD8	21	1	10	1	14	61	NHATHAU	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC THỊNH	CTC1	84	1	7			52	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẦN NGỌC TUẤN ANH	CTC1	85	1	13	2	26	79	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM TÙNG DƯƠNG	CTC1	86	1	6			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	921	18	135	7	75	3		
2	CTC1	3	201	3	26	2	26	15		
TOTAL		16	1.122	21	161	9	101	18		
WEIGHT KG			1.122		161		101			

GRAND TOTAL: 1.384 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

Trịnh M. Miên
TRINH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: <i>Nội 4</i>	TO: RP2 - RC10 - RP3	CREW: HUNG - NPHÚ - VŨ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM25/4019	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH VĂN QUẢN	RP2	42-43	2	16			59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	RP2	36	1	8			101	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN QUẢN	RP2	25	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	32	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP2	40	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI VĂN TUẤN	RP2	35	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	31	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	49	1	8			66	YTE	Vietnamese
9	BUI ĐỨC HẬU	RP2	41	1	9	3	28	63	CODIEN	Vietnamese
10	HƯA HÙNG SƠN	RP2	38-39	2	18			71	CODIEN	Vietnamese
11	HÀ ĐỨC KHANH	RP2	27	1	17			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN NAM ĐẠI	RP2	28-29	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VĂN HỘI	RP2	47-48	2	17			50	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MINH HÙNG	RP2	37	1	6			86	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG QUÍ	RP2	33	1	10			67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	26	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH TŨ	RP2	34	1	7			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN TŨ	RP2	30	1	8			54	PSV	Vietnamese
19	LE VIET TUAN	RC10	77	1	5	1	14	86	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN ANH	RC10	79	1	14			65	CODIEN	Vietnamese
21	BUI DUC KHANH	RC10	76	1	2			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	18	1.218	22	176	3	28	9		
2	RC10	3	202	3	21	1	14	5		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	1.420	25	197	4	42	22		
WEIGHT KG			1.420		197		42			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
B.CARD: TRANG-4	TO: TTC1 - PPD - BK6	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 14		VNHS FLIGHT: TM25/4023	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN NAM THĂNG	TTC1	39	1	15	3	65	102	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	TTC1	40-41	2	19			73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THANH	TTC1	43	1	11	1	10	80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HỒNG LINH	TTC1	42	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ TIÊN DŨNG	PPD	86-87	2	11			80	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CAO	PPD	94	1	15			65	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HAI	PPD	97-98	2	13			72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	PPD	99,700	2	20			98	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG ANH	PPD	95-96	2	20			69	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ NGỌC ANH	PPD	88	1	12			75	CODIEN	Vietnamese
11	HA MẠNH NAM	PPD	89	1	7			77	CODIEN	Vietnamese
12	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	PPD	92	1	8			67	CODIEN	Vietnamese
13	CAO ĐĂNG LỢI	PPD	93	1	5			53	CODIEN	Vietnamese
14	TẠ THANH TIN	PPD	90-91	2	6			63	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIÊN DŨNG	BK6	79-80	2	16			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH HAI	BK6	77-78	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	73	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN SỬU	BK6	74-75	2	8	2	40	78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRỌNG MINH	BK6	76	1	4			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	4	336	5	54	4	75	0		
2	PPD	10	719	15	117	0	0	13		
3	BK6	5	355	8	47	2	40	5		
TOTAL		19	1.410	28	218	6	115	18		
WEIGHT KG			1.410		218		115			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO